

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 423/2024/HC-PT

Ngày: 31/7/2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính, yêu cầu bồi thường
thiệt hại do sự cố môi trường biển

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Bùi Anh Thắng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Nguyễn Văn Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm - Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và điểm cầu thành phần - Tòa án nhân dân tỉnh HT, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 205/2024/TLPT-HC ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, yêu cầu bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh HT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 7468/2024/QĐHC-PT ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị N1, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn XP, xã TK, huyện LH, tỉnh HT; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị N1: Bà Trần Thị Thu T1, địa chỉ: Số nhà 10, ngõ 9, đường LTT, phường BH, thành phố HT, tỉnh HT; có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh HT và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh HT.

Người đại diện: Ông Nguyễn Hồng L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh HT; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh HT:

- + Ông Nguyễn Quốc T2 – Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh HT; có mặt.
- + Ông Võ Tá N2 – Phó Giám đốc Sở Công thương tỉnh HT; có mặt.
- + Ông Lê Đức N3 – Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh HT; có mặt.
- + Ông Phạm Chí H – Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh HT; có mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện LH và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LH, tỉnh HT.

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn A – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LH; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã TK, huyện LH, tỉnh HT.

Người đại diện: Ông Phạm Duy K – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TK; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Hướng dẫn của Bộ NN&PTNT, UBND tỉnh HT đã chỉ đạo UBND huyện LH tiến hành kiểm tra, thống kê thiệt hại để đền bù thiệt hại lô hàng tằm ướp lưu kho bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển cho các cơ sở chế biến trên địa bàn HT, trong đó cơ sở của bà Trần Thị N1, theo khoản 4 Điều 1 Quyết định số 1880 ngày 29/8/ 2016 của Thủ tướng Chính phủ, bà N1 là đối tượng thiệt hại do sự cố môi trường biển (MTB), được bồi thường thiệt hại.

Do cơ sở bà Phạm Thị P ở trong xã xuất hàng ra nước ngoài bị trả về vì kết quả kiểm nghiệm lô hàng bị nhiễm phenol cho nên tất cả hải sản tằm ướp của bà N1 không tiêu thụ được vì khách hàng cho rằng hàng bị nhiễm phenol. Căn cứ Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, toàn bộ thiệt hại thực tế của bà do sự cố MTB được bồi thường.

Thực hiện Quyết định 1880/QĐ-TTg ngày 29/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 12 ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh HT, UBND huyện LH đã tổ chức chi trả tiền bồi thường về phần

thu nhập bị mất do ảnh hưởng sự cố MTB từ năm 2017, phần thiệt hại về tài sản là lô hàng hải sản tằm ướp lưu kho, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 12 ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 27/9/2017 UBND tỉnh HT đã báo cáo thiệt hại về lô hàng hải sản tằm ướp tồn kho trên địa bàn tỉnh HT. Tổng thiệt hại là 5.000 tấn (năm ngàn tấn với tổng thiệt hại là 250 tỷ đồng với đề xuất hỗ trợ 30% giá trị lô hàng bằng 75 tỷ đồng), đồng thời với báo cáo, Chủ tịch UBND tỉnh HT cam đoan với Thủ tướng Chính phủ đó là số thiệt hại thực tế của các cơ sở chế biến hải sản về hàng hải sản tằm ướp tồn kho bị ảnh hưởng do sự cố MTB, cũng trong các báo cáo, Chủ tịch UBND tỉnh HT cam kết với Thủ tướng Chính phủ sẽ chi trả cho các chủ cơ sở chế biến hải sản tằm ướp trên địa bàn tỉnh HT trong đó có bà N1.

Theo trình tự thực hiện đề án xác định thiệt hại để đền bù thiệt hại theo Quyết định số 12 ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ, sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kinh phí và được Bộ Tài chính cấp kinh phí (được cấp 75 tỷ đồng vào ngày 29/11/2017 – tại Công văn 1826 ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ), UBND tỉnh HT, UBND huyện LH phải tổ chức chi trả cho người dân. Tuy nhiên, UBND tỉnh HT, UBND huyện LH sau khi nhận được tiền của Chính phủ cấp về, không chi trả cho bà N1. Do đó, bà N1 đã làm đơn khiếu nại. Ngày 05/5/2022, Chủ tịch UBND huyện LH ban hành Quyết định 2544/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà N1, nội dung quyết định trái pháp luật xâm phạm quyền lợi hợp pháp của bà N1, vì vậy bà N1 khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh HT. Ngày 21/03/2023, Chủ tịch UBND tỉnh HT ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 616/QĐ-UBND, nội dung quyết định trái pháp luật, xâm phạm quyền lợi hợp pháp của bà N1. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định 124/2020, Chủ tịch UBND tỉnh HT phải trực tiếp đối thoại với người khiếu nại, vì đây là trường hợp khiếu nại nhiều người cùng một nội dung, có tính chất phức tạp, có nhiều quan điểm khác nhau, kéo dài nhiều năm, tuy nhiên, Chủ tịch UBND tỉnh không tham gia đối thoại mà uỷ quyền cho những người không đủ thẩm quyền đứng ra giải quyết, vi phạm Điều 39 Luật Khiếu nại năm 2011, mặt khác nội dung quyết định giải quyết khiếu nại áp dụng sai pháp luật, trái với ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các bộ ngành, bởi theo kết quả xác minh nêu trong quyết định, căn cứ tiêu chí được bồi thường mà Thủ tướng Chính phủ đã đề ra tại gạch đầu dòng thứ 3 điểm a khoản 1 Văn bản 1826 ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở bà P đủ điều kiện được bồi thường, vì:

- Hàng có thật trong kho (đến nay đã bị hư hỏng).
- Có bằng chứng thu mua tại địa phương trong giai đoạn xảy ra sự cố MTB.
- Có xác nhận của đại diện cộng đồng dân cư và UBND xã.

Việc chưa cân đong đo đếm hàng thực tế trong kho là do UBND huyện LH và UBND tỉnh không thực hiện nhiệm vụ mà Thủ tướng đã giao trong các văn bản. Những văn bản mà UBND tỉnh HT áp dụng đã bị thay thế. Bộ Công thương đã kết luận tại báo cáo 8044 ngày 31/8/2017 là: Toàn bộ lô hàng hải sản tồn kho nếu áp dụng các văn bản cũ (trước ngày 31/8/2017) thì không đủ điều kiện bồi thường, chính vì vậy Thủ tướng Chính phủ đã sửa đổi, bổ sung và nêu tiêu chí được bồi thường tại văn bản 1826 ngày 29/11/2017, theo tiêu chí này Chủ tịch UBND tỉnh HT đã không thực hiện để chi trả tiền cho bà N1.

Vì vậy, bà N1 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh HT;

- Hủy quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện LH;

- Kiến nghị UBND tỉnh HT sửa đổi Kế hoạch 218 ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh HT.

- Buộc UBND tỉnh HT, UBND huyện LH phải thực hiện bồi thường thiệt hại lô hàng tằm ướp tồn kho của bà N1 do bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển Miền Trung.

- Buộc UBND tỉnh HT phải thực hiện kiến nghị của 7 Bộ, ban, ngành về việc tiêu hủy toàn bộ hàng hải sản tồn kho bị hư hỏng do sự cố môi trường biển.

- Buộc Chủ tịch UBND tỉnh HT phải quyết định cấp phí bồi thường thiệt hại cho huyện LH phần thiệt hại của cơ sở bà N1.

- Buộc Chủ tịch UBND huyện LH phải phê duyệt kinh phí chi trả bồi thường thiệt hại cho bà N1 theo kết quả kiểm tra của UBND tỉnh HT.

Đại diện người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh HT, Ủy ban nhân dân tỉnh HT trình bày:

Trên cơ sở Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành định mức bồi thường thiệt hại cho các đối tượng tại các tỉnh: HT, QB, QT và TTH bị thiệt hại do sự cố môi trường biển; Văn bản số 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về hóa đơn chứng từ để xác định giá thu mua hàng hải sản lưu kho trước ngày 30/8/2016 làm cơ sở bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ về Thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trương Hòa Bình tại cuộc họp lần thứ IX Ban Chỉ đạo về các giải pháp ổn định đời sống và sản xuất, kinh doanh cho Nhân dân 04 tỉnh Miền Trung; Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý hàng hải sản tồn đọng và

các đối tượng tổn động khác tại địa bàn 04 tỉnh bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển; Thông báo số 92/TB-VPCP ngày 12/3/2020 của Văn phòng Chính phủ về Thông báo Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh HT; Văn bản số 2138/BNN- TCTS ngày 24/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tầm ướp. UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, UBND huyện LH rà soát, thực hiện quy trình hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với hải sản tầm ướp đảm bảo đúng theo trình tự, thủ tục quy định.

Về điều kiện, tiêu chí để xác định hỗ trợ: Chủ cơ sở chế biến hải sản tầm ướp (chế biến cả ướp, mắm hải sản các loại (trừ nước mắm) để kinh doanh có địa điểm chế biến tại các xã, phường, thị trấn ven biển, cửa sông đã được hỗ trợ thiệt hại về lao động theo quy định tại Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 29/9/2016 và Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Danh mục nhóm hải sản tầm ướp gồm: cá ướp, mắm các loại (trừ nước mắm); Thời gian hỗ trợ: Hải sản tầm ướp tổn động được thu mua, chế biến trước ngày 30/8/2016; Tiêu chí xác định: Các đối tượng đáp ứng các tiêu chí hàng hải sản xác thực hiện đang tồn trong kho, chưa tiêu thụ được; Có bằng chứng chứng minh nguồn gốc, được thu mua, tạm trữ trên địa bàn địa phương trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển; Có sự giám sát, xác thực của đại diện cộng đồng dân cư khu vực.

Về hồ sơ của bà Trần Thị N1: Cơ sở của bà N1 đã thực hiện kê khai hải sản tầm ướp tồn kho bị thiệt hại do sự cố môi trường biển với tổng khối lượng kê khai 59,47 tấn (ruốc mặn 20,34 tấn, mắm chượp 39,13 tấn), giá trị 2,387 tỷ đồng. Kê khai thu mua nguyên liệu đầu vào cá, ruốc của 5 đối tượng trên địa bàn xã TK với số lượng 59,82 tấn (ruốc 20,34 tấn, cá 39,48 tấn), số tiền 1,694 tỷ đồng. Căn cứ các quy định nêu trên, kết quả kiểm tra, xác minh hồ sơ của bà Trần Thị N1 kê khai không đáp ứng các điều kiện để được hỗ trợ theo đúng quy định tại điểm b khoản 1 mục I, Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ. Bằng chứng thu mua cơ sở bà N1 cung cấp là sổ ghi chép nhập hàng (bao gồm các bảng kê khai thu mua hàng hóa, dịch vụ thu mua đầu vào không có hóa đơn theo biểu mẫu 01/TNDN của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính). Tuy vậy, hàng hóa mua vào lập theo bảng kê này không có căn cứ để lập theo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Văn bản số 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính; Các đối tượng ký vào bảng kê này vào thời gian sau sự cố môi trường biển; đơn giá, số lượng, số tiền thu mua được ghi trong sổ mua hàng do bà N1 đề năm 2016.

Như vậy, hồ sơ do bà Trần Thị N1 cung cấp không đảm bảo đúng theo quy định, do đó, không đủ cơ sở để thực hiện hỗ trợ.

Việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh là đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn về hỗ trợ sự cố môi trường biển của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương; không có căn cứ để khẳng định bà N1 có thu mua hải sản tẩm ướp như kê khai trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển. Do vậy, UBND tỉnh HT không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N1, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LH, tỉnh HT; Ủy ban nhân dân huyện LH, tỉnh HT trình bày:

Thực hiện Văn bản số 323/UBND-NL ngày 18/01/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp theo Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh (sau đây viết tắt 218), UBND huyện LH đã triển khai các nội dung theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 218. Để kiểm tra tính xác thực của bằng chứng chứng minh, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 4515/QĐ-UBND ngày 12/10/2020 thành lập Đoàn liên ngành kiểm tra, xác minh nguồn gốc hải sản tẩm ướp hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường. Kết quả kiểm tra, xác minh hồ sơ, tài liệu của 39 chủ cơ sở (trong đó có cơ sở bà Trần Thị N1) chế biến hải sản tẩm ướp kê khai thu mua hải sản đầu vào từ 250 đối tượng trên địa bàn 6 huyện, thị xã trên địa bàn tỉnh HT (LH, NX, TH, CX, huyện KA và thị xã KA), cho thấy: Tất cả 39 cơ sở lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp không đủ cơ sở để hỗ trợ theo quy định, vì: 39 cơ sở được kiểm tra, xác minh về nguồn gốc hải sản tẩm ướp tại 205 đối tượng, quá trình mua bán không có hóa đơn, không có các tài liệu gốc mua bán tại thời điểm xảy ra sự cố môi trường để chứng minh xác thực số lượng, giá cả. Cuốn sổ mua hàng đề năm 2016 của cơ sở không phải lập tại thời điểm mua bán, mà lập sau này để làm hồ sơ bồi thường thiệt hại đối với hải sản tẩm ướp theo Kế hoạch 218 là không đúng quy định; Có dấu hiệu làm giả hồ sơ, làm giả bằng chứng với mục đích để trục lợi; Không thể xác định chính xác được đối tượng, số lượng, đơn giá thu mua vì nếu có hoạt động mua bán chủ yếu diễn ra dưới hình thức mua đứt, bán đoạn; không có sổ sách, giấy tờ ghi chép để đối chiếu giữa bên bán và bên mua. Có những trường hợp kê khai mua hải sản nhưng là các đối tượng như mực, sò, các loại cá to như cá thu ... đây không phải là nguyên liệu làm nước mắm (chộp) hay muối ruốc; Đối với chữ ký trong cuốn sổ mua hàng đề năm 2016 mà các cơ sở lập: Theo kết quả xác minh từ các đối tượng được kê khai bản hàng thì hầu hết các đối tượng mới ký vào cuốn sổ này vào thời gian từ năm

2018-2020, một số trường hợp xác nhận ký năm 2016. Khi ký vào cuốn sổ mua hàng đề năm 2016 cho các cơ sở chế biến, thì hầu hết các đối tượng không đọc, không xem kỹ các nội dung trong cuốn sổ. Có 1 trường hợp khẳng định chữ ký trong hồ sơ không phải của họ; Bên cạnh đó, vẫn có một số đối tượng được kiểm tra, xác minh có dấu hiệu cấu kết, thông đồng với các cơ sở chế biến để xác nhận không đúng thực tế về thời điểm ký vào cuốn sổ mua hàng đề năm 2016 do các cơ sở lập, nguyên nhân: là bạn hàng, người thân quen; đồng thời một số đối tượng có kê khai là chủ cơ sở chế biến hải sản nên vì tư lợi, cố tình khai không đúng thực tế bán hàng.

Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh, UBND huyện đã ban hành Văn bản số 752/TB-UBND ngày 26/10/2021 thông báo kết quả thẩm định bằng chứng chứng minh nguồn gốc hải sản tẩm ướp hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường của bà Trần Thị N1, thôn XP, xã TK, huyện LH. Bà N1 không nhất trí với thông báo trả lời nêu trên và có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện LH. Chủ tịch UBND huyện LH đã thụ lý, thành lập Tổ kiểm tra, xác minh tại Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 02/3/2022. Căn cứ kết quả kiểm tra, xác minh của Tổ kiểm tra tại Báo cáo số 04/BC-TXM ngày 29/4/2022. Chủ tịch UBND huyện LH đã ban hành Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Trần Thị N1.

UBND huyện LH giải quyết đề nghị hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp với bà Trần Thị N1 là đúng quy định tại Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh và các văn bản của Trung ương. Việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện LH đối với bà Trần Thị N1 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và đúng quy định pháp luật. Chủ tịch UBND huyện LH, UBND huyện LH không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà N1. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh HT giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã TK trình bày:

Ngày 20/6/2020 UBND tỉnh HT ban hành Kế hoạch số 218/KH- UBND về việc triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối với hải sản tẩm ướp. UBND huyện LH có công văn mời Ban chỉ đạo, Hội đồng đánh giá thiệt hại, Tổ xác nhận đối tượng các đơn vị thôn và các thành phần liên quan tham gia họp triển khai, hướng dẫn kế hoạch, các thành phần của xã đã tham gia đầy đủ. Sau đó, xã đã tiến hành kiện toàn Ban chỉ đạo (BCĐ), Hội đồng đánh giá thiệt hại cấp xã, Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại cấp thôn. Phân công nhiệm vụ các thành phần trong BCĐ, Hội đồng đánh giá về phụ trách các thôn. Tiến hành họp BCĐ, Hội đồng đánh giá thiệt hại cấp xã, Tổ xác nhận đối

tượng, số lượng thiệt hại cấp thôn và các Ban, ngành đoàn thể cấp xã, thôn. Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống phát thanh của xã, thôn về kế hoạch số 218/KH-UBND để các đối tượng được biết. UBND xã tổng hợp danh sách theo Biểu 01, Kế hoạch số 218/KH-UBND gửi Tổ xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại ở thôn. Chỉ đạo Tổ cấp thôn xác nhận danh sách đối tượng và thực hiện kê khai theo Biểu 02 của Kế hoạch số 218/KH-UBND, Tổ tiến hành xác nhận đối tượng, số lượng thiệt hại ở thôn (Chỉ xác nhận đối tượng; Họ tên, chữ ký của người kê khai, không xác nhận sản lượng, giá trị hải sản và bằng chứng chứng minh). Trên cơ sở danh sách đối tượng các Tổ xác nhận gửi về, Hội đồng đánh giá thiệt hại cấp xã họp, thống nhất tổng hợp gửi danh sách (Chỉ xác nhận có bằng chứng cung cấp và không có bằng chứng, không xác nhận tính hợp pháp, chính xác của bằng chứng đó), báo cáo UBND huyện theo chức năng, thẩm quyền. Sau khi UBND huyện có thông báo về kết quả thẩm định bằng chứng chứng minh nguồn gốc hải sản tẩm ướp hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển, bà N1 không đồng tình và khiếu nại lên Chủ tịch UBND huyện. UBND xã tham gia đối thoại theo giấy mời của UBND huyện. UBND xã TK đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh HT, quyết định:

Căn cứ Điều 30, 32, khoản 2 Điều 116, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 173, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; điểm c khoản 1 mục II Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh HT; điểm b khoản 1 mục 1 Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Mục 1 Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính; Điểm a khoản 2 Văn bản số 2138/BNN-TCTS ngày 24/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với nhóm hải sản tẩm ướp; điểm 1.4 khoản 1 Mục III Văn bản hướng dẫn liên ngành số 680/LN-NN&PTNT-TC-CT-VHTT&DL ngày 27/12/2017 về hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh HT; Điều 18, Điều 21 Luật Khiếu nại và Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Luật Tổ chức chính quyền địa phương, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N1 gồm các yêu cầu sau:

- Hủy Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh HT;

- Hủy quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện LH, tỉnh HT.

- Buộc UBND tỉnh HT, UBND huyện LH phải thực hiện bồi thường thiệt hại lô hàng tằm ướp tồn kho của bà N1 do bị ảnh hưởng sự cố môi trường biển Miền Trung.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 01/4/2024, người khởi kiện là bà Trần Thị N1 có đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh HT; người đại diện của UBND huyện LH và UBND xã TK đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà N1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của bà Trần Thị N1, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 616/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh HT và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2544/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện LH thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh HT theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N1 còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Đối với yêu cầu khởi kiện: Hủy Kế hoạch số 218 ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh HT; Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh HT sửa đổi Kế hoạch 218 ngày 20/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh HT; Buộc Ủy ban nhân dân tỉnh HT phải thực hiện kiến nghị của 7 bộ, Ban, Ngành về việc tiêu hủy toàn bộ hàng hải sản tồn kho bị hư hỏng do sự cố môi trường là văn bản mang tính chất nội bộ

nên không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 3; Điều 30; Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.4] Tại phiên tòa, người đại diện ủy theo quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh HT, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh HT vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bị kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 616/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh HT và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2544/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện LH đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 22, 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 18, Điều 21 và mục 2, mục 3 Luật Khiếu nại năm 2011.

[3] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức của Quyết định giải quyết khiếu nại số 2544/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện LH và Quyết định giải quyết khiếu nại số 616/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh HT đã tuân thủ đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.

[4] Xét tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung của Quyết định giải quyết khiếu nại số 2544/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND huyện LH và Quyết định giải quyết khiếu nại số 616/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh HT:

[4.1] Cơ sở của bà N1 đã thực hiện kê khai hải sản tầm ướp tồn kho bị thiệt hại do sự cố môi trường biển với tổng khối lượng kê khai 59,47 tấn (ruốc mặn 20,34 tấn, mắm chượp 39,13 tấn), giá trị 2,387 tỷ đồng. Kê khai thu mua nguyên liệu đầu vào cá, ruốc của 5 đối tượng trên địa bàn xã TK với số lượng 59,82 tấn (ruốc 20,34 tấn, cá 39,48 tấn), số tiền 1,694 tỷ đồng. Quá trình triển khai rà soát để thực hiện hỗ trợ thiệt hại sự cố môi trường đối với hải sản tầm ướp của bà N1, UBND huyện LH thực hiện theo các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành có liên quan và Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh (Kế hoạch số 218). Bà N1 đã kê khai số lượng hàng hải sản tầm ướp lưu kho theo Biểu 2.1 ngày 10/7/2020 của Kế hoạch số 218 và được UBND xã TK xác nhận. UBND huyện LH thực hiện rà soát, kiểm tra, phân loại đối tượng, xác minh hồ sơ kê khai đối với hồ sơ kê khai của bà N1 theo quy định tại điểm d mục 4.1 và mục 4.2 Kế hoạch số 218, rà soát các đối tượng đảm bảo theo quy định tại điểm a mục 1, phần II Kế hoạch số 218; điểm b khoản 1 mục 1 Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; mục 1 Văn

bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; tiến hành xác minh tính xác thực, chính xác của các bằng chứng chứng minh nguồn gốc được thu mua, chế biến trên địa bàn địa phương trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển do bà N1 cung cấp.

[4.2] Kết quả kiểm tra, xác minh của Đoàn liên ngành UBND huyện LH đối với 5/5 đối tượng có tên trong sổ mua hàng đề năm 2016 của cơ sở bà N1 thể hiện: 5 đối tượng trình bày có bán cá, ruốc cho bà N1 trong thời gian xảy ra sự cố môi trường, trong đó: 01 đối tượng khẳng định bán cho bà N1 với giá 2-3 ngàn đồng/kg (Bà Nguyễn Thanh T4 ở xã TK) nhưng bà N1 kê khai mua với giá từ 26-31 ngàn đồng/kg; 01 đối tượng khẳng định số lượng bán nhiều nhất 5 tạ/ngày, số tiền bán nhiều nhất 7,5 triệu đồng/ngày (Nguyễn Tiến N4 ở xã TK) nhưng bà N1 kê khai số lượng mua 3 tấn/lần, số tiền mua 87 triệu đồng/lần; 01 đối tượng khẳng định chỉ bán từ tháng 6-8/2016 (Trần Trọng D ở xã TK) nhưng bà N1 kê khai tháng 5/2016 vẫn mua; 01 đối tượng khẳng định số lượng bán cao nhất 2-3 tạ/ngày, số tiền bán cao nhất 10 triệu đồng/ngày (Trương Quang T5 ở xã TK) nhưng bà N1 kê khai số lượng mua lên đến 1,5 tấn/ngày, số tiền mua lên đến 40,5 triệu đồng/ngày. Về chữ ký trong cuốn sổ mua hàng đề năm 2016 của bà N1: 3 đối tượng xác nhận ký năm 2020 (Nguyễn Tiến N4, Trương Quang T5, Nguyễn Thị T3), tuy nhiên, Nguyễn Thanh T4 xác nhận chữ ký trong hồ sơ này là không đúng. 1 đối tượng ký năm 2019 (Trần Trọng D ở xã TK). 01 đối tượng ký năm 2016 (Nguyễn Hoài M ở xã TK).

[4.3] Tòa án đã tiến hành làm việc với những trường hợp có tên nêu trên (riêng ông Nguyễn Tiến N4 đã chết), tại bản tự khai những người này đều khẳng định năm 2016 có bán cá, ruốc cho bà N1 và ký vào sổ mua hàng cho bà N1. Do thời gian đã lâu lên không nhớ rõ số lượng và giá bán. Tòa án đã cho những người này xem biên bản làm việc của đoàn kiểm tra, xác minh và họ thừa nhận chữ ký trong biên bản là của họ, những người này không lý giải được vì sao có sự khác nhau trong việc trình bày tại Tòa án với đoàn kiểm tra, xác minh UBND huyện LH.

[4.4] Đơn giá, số tiền thu mua được ghi trong cuốn sổ bà N1 đề năm 2016 không đúng với thực tế. Bà N1 không cung cấp được chứng từ mua bán giữa bà với 05 người có tên trong cuốn sổ.

[4.5] Hồ sơ của bà N1 không có hóa đơn, chứng từ, bằng chứng chứng minh nguồn gốc, được thu mua, tạm trữ trên địa bàn trong thời gian xảy ra sự cố môi trường biển (trước ngày 30/8/2016). Bằng chứng thu mua cơ sở cung cấp sổ ghi chép nhập hàng theo biểu mẫu 01/TNDN của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, hàng hóa mua vào lập theo bảng kê không có căn cứ để lập theo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Văn bản số 1218/BTC-NSNN ngày 24/01/2017 của Bộ Tài chính. Do đó, hồ sơ kê khai

của cơ sở bà N1 không đáp ứng điều kiện để được hỗ trợ theo quy định tại điểm c khoản 1 mục II Kế hoạch số 218/KH-UBND ngày 20/6/2020 của UBND tỉnh HT; điểm b khoản 1 mục 1 Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 01/9/2017 của Văn phòng Chính phủ; Mục 1 Văn bản số 1826/TTg-NN ngày 29/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ; điểm a khoản 2 Văn bản số 2138/BNN-TCTS ngày 24/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về triển khai thực hiện hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển đối với nhóm hải sản tầm ướp và điểm 1.4 khoản 1 Mục III Văn bản hướng dẫn liên ngành số 680/LN-NN&PTNT-TC-CT-VHTT&DL ngày 27/12/2017 về hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường biển trên địa bàn tỉnh.

[4.6] Sau khi có kết quả xác minh, UBND huyện LH đã ban hành Thông báo số 752/TB-UBND ngày 26/10/2021 của UBND huyện LH về kết quả thẩm định bằng chứng chứng minh nguồn gốc hải sản tầm ướp hỗ trợ thiệt hại do sự cố môi trường đối bà Trần Thị N1 là thực hiện đúng quy định.

[4.7] Từ những phân tích trên, xét thấy: Quyết định giải quyết khiếu nại số 616/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện LH và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2544/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh HT ban hành đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị N1 là đúng.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị N1 không xuất trình chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N1, như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội. Vì vậy, cần bác kháng cáo của bà Trần Thị N1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh HT.

[6] Về án phí: Do bà Trần Thị N1 là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Trần Thị N1.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của bà Trần Thị N1; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2024/HC-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh HT.

2. Về án phí: Bà Trần Thị N1 được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh HT;
- VKSND tỉnh HT;
- Cục THADS tỉnh HT;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường